| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG HÒA**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2022/HSST
Ngày 04-7-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà La Thị Phương

Ông Giáp Văn Cương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*:** Bà Ma Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2022/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nông Văn M** sinh ngày: 20 tháng 10 năm 1994 tại xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn D (đã chết) và bà Đinh Thị C (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án, năm 2020 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2022, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hà Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Bị hại:* Đàm Đình H; sinh năm 1990; trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Hà Văn T; sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2022 Công an xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của anh Đàm Đình H, sinh năm 1990, trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện Q về việc: Anh cho Nông Văn M, sinh năm 1994, trú tại xóm P, xã Đ, huyện Q mượn 01 (*Một*) xe mô tô hẹn chiều ngày 10/3/2022 trả nhưng đến nay M vẫn chưa trả xe cho anh. Xét thấy tố giác tội phạm không thuộc thẩm quyền nên Công an xã Độc lập đã chuyển đơn trình báo cùng các tài liệu kèm theo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa để tiến hành tố tụng theo thẩm quyền.

Ngày 17/3/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã ra lệnh bắt khẩn cấp Nông Văn M đồng thời thu giữ chiếc xe máy BKS: XXUX-178XX, M thừa nhận mượn xe máy của anh H để sử dụng nhưng sau đó đã bán xe để lấy tiền trả nợ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Hòa kết luận: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu Đen, BKS: XXUX-178.XX số máy: JA39E2133750, số khung: RLHJA392XMY017788, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 02/02/2021 có giá trị tại thời điểm định giá là 19.620.000đ (*Mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra Nông Văn M khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 09/3/2022 M đến nhà anh Đàm Đình H xin ngủ lại, đến khoảng 14 giờ ngày 10/3/2022 M mượn anh H chiếc xe mô tô BKS 11U1-17868 để về nhà lấy tiền trả nợ và hẹn chiều tối trả lại xe. M một mình điều khiển xe về nhà ở xóm P, xã T, huyện Q nhưng không mượn được tiền, M lại đi xe ra thành phố Cao Bằng để mượn tiền họ hàng nhưng không được. Sau đó M nhận được điện thoại của C (người ở thị trấn T, huyện T) gọi cho M để đòi nợ. Ngày 11/3/2022 M điều khiển xe vào thị trấn T gặp C để xin khất nợ nhưng không được, đến ngày 12/3/2022 C lại tìm M để đòi nợ, khi M bảo không có tiền thì C có bảo M đem chiếc xe máy đi cầm cố và giới thiệu cho M ở thị trấn T có hiệu cầm đồ. Do không có tiền trả nợ nên M nảy sinh ý định bán chiếc xe đã mượn của H. Khoảng 14 giờ ngày 13/3/2022 M điều khiển xe đến quán cơm K ở thị trấn T và bán xe cho Hà Văn T, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T được số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Khi bán xe M giới thiệu tên là Đàm Đình H và khi làm giấy tờ bán

xe M cũng ký tên H. Số tiền bán xe M đã đem 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) trả cho C, số tiền còn lại M đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-QH ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Nông Văn M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa:**

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị hại Đàm Đình H khai: Khoảng 14 giờ ngày 10/3/2022 cho Nông Văn M mượn xe và hẹn chiều tối cùng ngày sẽ trả, nhưng sau đó không thấy trả. Anh H đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho M đòi xe nhưng M không trả. Ngày 01/4/2022 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại xe cùng giấy tờ xe cho anh nên anh không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hà Văn T khai: Ngày 13/3/2022 anh và bị cáo thực hiện giao dịch mua bán chiếc xe với giá 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), khi đó anh không biết chiếc xe không phải là tài sản của bị cáo. Nay anh yêu cầu bị cáo phải trả lại anh toàn bộ số tiền anh mua xe.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và trình bày quan điểm, hướng giải quyết vụ án như sau: Bị cáo lợi dùng lòng tin của chủ tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác đã gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm khắc. Mặt khác, bị cáo đã có 01 (*Một*) tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm". Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo là do bột phát, không có tính chất chuyên nghiệp. Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo

về hành vi phạm tội nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng và luận cứ bào chữa của người bào chữa về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý, do đó không có ý kiến trình bày bổ sung.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nên không trình bày ý kiến tại phần tranh luận.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa không nhất trí với đề nghị của người bào chữa vì: Mặc dù bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nhưng phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù là phù hợp tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với xã hội và sửa chữa sai lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nông Văn M phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra và vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào ngày 10/3/2022 Nông Văn M mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát XXUX-178XX của Đàm Đình H để về nhà lấy tiền trả tiền taxi nhưng không

vay được tiền. Đến ngày 12/3/2022 do M đang nợ tiền của người đàn ông tên C (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nên đã nảy sinh ý định bán xe lấy tiền trả nợ nên ngày 13/3/2022, M bán chiếc xe cho Hà Văn T được số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). M đã trả nợ cho C 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*, số tiền còn lại M đã tiêu xài cá nhân hết. Giá trị chiếc xe M chiếm đoạt tại thời điểm định giá là 19.620.000đ (*Mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Ngoài ra, bị cáo còn cung cấp thông tin không chính xác về nguồn gốc, chủ sở hữu của xe nhằm tạo niềm tin cho người mua xe để lấy tiền trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân mà không xin ý kiến, không thông báo cho chủ xe.

Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo tuy ít nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tiền hoặc tài sản có giá trị nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua chiếc xe máy là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[7]. Việc xử lý vật chứng:

Ngày 01/4/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô BKS XXUX-178XX kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về quyết định xử lý vật chứng nêu trên nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Các nhận định khác:

Đối với người tên C, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trên địa bàn thị trấn T không có nam thanh niên nào có tên C theo mô tả của bị cáo nên không có căn cứ để kiến nghị làm rõ hành vi của C.

Hà Văn T là người mua xe với bị cáo, khi mua xe T không biết chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không lập hồ sơ xử lý đối với Hà Văn T là có căn cứ.

[9]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Nông Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa về việc xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là thể hiện tính khoan dung, nhân đạo của pháp luật Việt Nam, tuy nhiên bị cáo đã có 01 (*Một*) tình tiết tăng nặng là tái phạm nên đề nghị này không phù hợp và không được chấp nhận.

Xét đề nghị của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nông Văn M phạm tội "***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*****".**

Xử phạt **Nông Văn M** 15 (*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 17/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho anh Hà Văn T, trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn M phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Án văn.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hiền**